TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢN BẠ** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 17/2024/HNGĐ-ST Ngày 30-9-2024 V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢN BẠ, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tô Đình Vĩ.

*Các Hội thẩm nhân dân:*Bà Lục Thị Cương;

Ông Lệnh Xuân Chính;

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Lan Hương - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Quản Bạ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quản Bạ, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông Hồ Lỷ Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quản Bạ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 25/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2024 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2024/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Thò Thị P, sinh năm: 1992

Địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Mai Xuân T, sinh năm: 1986

Địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Thò Thị P trình bày: Chị và anh Mai Xuân T1 quen biết nhau từ năm 2010, qua thời gian tìm hiểu và quyết định về sống chung với nhau. Ngày 04/11/2013 chị cùng anh T tự nguyện đến Ủy ban nhân dân xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang để đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chung sống anh T lười lao động, thường xuyên say rượu rồi đánh chị. Chị bỏ đi làm thuê một thời gian, khi quay về anh thành vẫn không thay đổi tính cách, thường xuyên say rượu rồi đánh đập vợ con. Hiện nay chị đi làm thuê không sống chung cùng anh T nữa. Do anh T đối xử vũ phu, vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân

không đạt được nên chị P đề nghị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được Ly hôn với anh Mai Xuân T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là cháu là cháu Mai Dỉ T2, sinh ngày 22/09/2013. Hiện nay cháu đang ở với bà nội Giàng Thị S và anh T tại Thôn M, xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Sau khi ly hôn anh T sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Mai Dỉ T2 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị P không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Mai Xuân T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

Tại phiên tòa, chị Thò Thị P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quản Bạ:

Về tuân thủ pháp luật tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, nguyên đơn, trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa và tại phiên tòa, đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Anh Mai Xuân T trong quá trình giải quyết vụ án đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của bị đơn.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Thò Thị p được ly hôn với anh Mai Xuân T;

Về con chung: Giao cho anh T trực tiếp là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Mai Dỉ T2 đến khi cháu T2 đủ 18 tuổi. Để đảm bảo cuộc sống và học tập của cháu T2, đề nghị chị P cấp dưỡng nuôi cháu T2 từ 800.000 đồng đến 1.000.000 đồng một tháng.

Về án phí: Chị Thò Thị P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà chị P đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quản Bạ. Chị P còn phải nộp 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Mai Xuân T đã được Tòa án nhân dân huyện Quản Bạ triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt. Mặt khác Tòa án đã niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo khoản 2 Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, nhận thấy tại phiên tòa vắng mặt bị đơn không ảnh hưởng đến việc xét xử, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều

227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án: Chị Thò Thị P khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Mai Xuân T, nơi ĐKHKTT: Thôn M, xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Như vậy, đủ căn cứ xác định quan hệ tranh chấp là Ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quản Bạ, tỉnh Hà Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Anh Mai Xuân T trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án để trình bày quan điểm đối với yêu cầu xin ly hôn, tranh chấp về con chung của anh Mai Xuân T. Trưởng thôn M, xã T Huyện Q, tỉnh Hà Giang cho biết anh Mai Xuân T là công dân của thôn M, anh T và chị P kết hôn với nhau từ năm 2013, trong quá trình chung sống thôn chưa giải quyết việc vợ chồng anh T, chị P đánh nhau, Thời gian gần đây không thấy chị P có mặt ở địa phương. Trưởng thôn cam kết khi có giấy triệu tập của Tòa án sẽ tống đạt giấy triệu tập của Tòa án đến anh T, không biết vì lý do gì mà anh T không đến Tòa giải quyết vụ việc.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị Thò Thị P và anh Mai Xuân T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật, nên quan hệ hôn nhân của chị P, anh T là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống anh T lười lao động, thường xuyên say rượu và đánh đập chị P. Chị P đã bỏ đi làm thuê một thời gian, khi trở về anh T vẫn không thay đổi, thường xuyên say rượu và đánh đập chị P. Từ đầu năm 2024 đến nay chị P và anh T không còn liên lạc với nhau. Như vậy, hôn nhân giữa anh T và chị P đã không còn tồn tại, chị P yêu cầu xin ly hôn với anh T là chính đáng và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị P, cho chị P được ly hôn với anh Mai Xuân T.

[5] Về con chung: Chị Thò Thị P và anh Mai Xuân T có 01 con chung là 01 con chung là cháu là cháu Mai Dỉ T2, sinh ngày 22/09/2013. Hiện nay cháu đang ở với bà nội Giàng Thị S và anh T tại Thôn M, xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Sau khi ly hôn anh T sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Mai Dỉ T2 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị P không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, chị P từ khi bỏ đi làm thuê, anh T vẫn chăm sóc tốt cháu T2. Chị P hiện nay không có nhà riêng và đang đi làm thuê nên không có chỗ ở ổn định. Vì vậy, giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu T2 là hợp lý và đúng quy định. Để đảm bảo cuộc sống cũng như học tập của cháu T2, chị P nhất trí mỗi tháng sẽ cấp dưỡng nuôi con chung với mức 800.000đ/01 tháng cho đến khi cháu T2 đủ 18 tuổi.

[6] Về tài sản, công nợ chung: Chị P không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. chị P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà chị P đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quản Bạ. Chị P còn phải nộp số tiền 300.000 đồng.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp nuôi con của chị Thò Thị P.

Xử cho chị Thò Thị P được ly hôn với anh Mai Xuân T.

2. Về con chung:

Giao cho anh Mai Xuân T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu là cháu Mai Dỉ T2, sinh ngày 22/09/2013 cho đến khi cháu T2 đủ 18 tuổi. Chị Thò Thị P phải cấp dưỡng nuôi con chung với mức 800.000đ/ 01 tháng cho đến khi cháu T2 đủ 18 tuổi.

Thời gian cấp dưỡng từ tháng 10/2024. Phương thức cấp dưỡng theo hàng tháng, đến ngày 15 hàng tháng chị P có trách nhiệm thanh toán xong số tiền trên cho anh T. Nếu đến thời hạn thanh toán, chị P không thanh toán số tiền cấp dưỡng nuôi con thì anh T có quyền làm đơn thi hành án và hàng tháng chị P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa Thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con, không ai được ngăn cản. Vì quyền lợi của con chung một hoặc hai bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo qui định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí:

Chị Thò Thị P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ là 300.000 đồng và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng mà chị

P đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quản Bạ ngày 17/7/2024. Chị P còn phải nộp số tiền 300.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm báo cho chị Thò Thị P biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Mai Xuân T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND H.Quản Bạ (2);
- UBND xã Thanh Vân;
- TAND Tỉnh Hà Giang;
- Chi cục THADS H.Quản Bạ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tô Đình Vĩ